

**TÒA PHÚC THẨM
TAND TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/HS-PT

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên, Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham
gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 395/2025/TLPT-HC ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2025/HC-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3186/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đàm Thị Ngọc L1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 1 tổ 5 cụm 1, Phường PT, Thành phố HN (trước là: Số 1 tổ 5 cụm 1, phường PT, quận TH, thành phố HN); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Văn K1. luật sư của Văn phòng luật sư ĐN, thuộc Đoàn luật sư thành phố HN; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận BTL, thành phố HN (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường XD, thành phố HN); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân phường XD, quận BTL, thành phố HN (người kế thừa quyền

và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường XD, thành phố HN); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Hà Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn SM, xã TL, thành phố HN (địa chỉ cũ: Thôn SM, xã VL, huyện ĐA, thành phố HN); có mặt.

+ Ông Nguyễn Phúc T2, sinh năm 1960; anh Nguyễn Đàm T3, sinh năm 1991; chị Nguyễn Đàm Thanh L2, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Số 1, tổ 1, cụm 5, phường PT, thành phố HN (địa chỉ cũ: Số 1, tổ 5 cụm 1, phường PT, quận TH, thành phố HN); vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện là bà Đàm Thị Ngọc L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện bà Đàm Thị Ngọc L1 trình bày:

Về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng thửa đất bị thu hồi như sau: Ngày 14/4/1997, ông Nguyễn Văn C1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã XD (nay là phường XD) đã phê duyệt đơn đề nghị của ông Đặng Đức K2, là thương binh hạng nặng $\frac{1}{4}$ đồng ý để Ban quản lý Hợp tác xã (BQLHTX) TT giao cho gia đình ông Đặng Đức K2 (là người có công với Cách mạng) được quản lý và sử dụng diện tích đất canh tác 250m² đã thu hồi của ông Nguyễn Công L3 để làm dịch vụ vườn hoa, cây cảnh.

Ngày 13/4/2001, ông K2 cùng vợ là bà Đỗ Thị Kim D1 và 03 người con trai đã thống nhất chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất, cùng 03 gian ki ốt với diện tích 105m²; 01 nhà kho có diện tích 120m², tiếp giáp mặt đường PVD cho vợ chồng bà tiếp tục sử dụng. Như vậy, toàn bộ diện tích 225,3m² ki ốt và nhà xưởng nêu trên đã được gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông K2 và đưa vào sử dụng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp ổn định từ ngày 13/4/2001, không phải là chia diện tích cùng một thửa đất có 03 gian ki ốt và nhà xưởng thành 03 giai đoạn sử dụng (từ sau ngày 01/7/2004 đến nay) như Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND quận BTL đã phê duyệt. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông K2; gia đình bà đã cải tạo, nâng cấp cửa hàng, nhà kho và sử dụng đất ổn định vào mục đích kinh doanh kết hợp để ở từ năm 2001 đến nay. Quá trình sử dụng đất và sản xuất kinh doanh tại thửa đất nêu trên, không có văn bản ngăn chặn, xử lý nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 14/4/2010, do cần huy động vốn để thành lập Công ty TNHH vật liệu xây dựng PT, vợ chồng bà đã chuyển nhượng 1/2 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (50%) tại địa chỉ số 113 đường PVD cho bà Hà Thị T1 cùng sử dụng đất và khai thác kinh doanh dịch vụ, thương mại phi nông nghiệp; sử dụng đất ổn định và không xảy ra tranh chấp.

Căn cứ pháp lý về đất đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ); được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành Luật Đất đai; tại điểm b khoản 2 Điều 20 đã quy định “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004; nay được UBND cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau: b) Đối với thửa đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp thì công nhận đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này*”.

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: *Điều 7. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân.*

Theo các quy định của pháp luật về đất đai trích dẫn trên, thì toàn bộ diện tích 225,3m² đất, thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, phường XD, quận BTL của gia đình bà và bà Hà Thị T1 đồng quyền sử dụng đất từ năm 2001 đến nay, đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ; đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013.

Bà đề nghị Tòa án:

- Yêu cầu UBND quận BTL điều chỉnh Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND quận BTL theo đúng thực tế sử dụng đất của gia đình bà là: “Sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh kết hợp để ở từ trước ngày 01/7/2004”.

- Huỷ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND quận BTL về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Mở rộng đường vành đai III, đoạn MD - Cầu TL tại phường XD, quận BTL (Dự án) do đã xác định không chính xác về loại đất và thời điểm sử dụng đất của gia đình bà và bà Hà Thị T1 đồng quyền sử dụng đất bị thu hồi đất theo quy định.

- Điều chỉnh lại phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích 225,3m², thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, tại địa chỉ số 113 đường PVĐ, phường XD, quận BTL do gia đình bà và bà Hà Thị T1 đồng quyền sử dụng từ ngày 13/4/2001. Theo hướng là loại đất cơ sở sản xuất thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp; thời hạn sử dụng đất là ổn định, lâu dài theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, để buộc UBND quận BTL phải bồi thường về đất theo giá đất ở, đối với toàn bộ diện tích 225,3m² đất bị thu hồi của gia đình bà và bà Hà Thị T1 đang đồng quyền sử dụng. Mức bồi thường theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện việc

chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định.

Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND quận BTL về việc điều chỉnh Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 đã xác định loại đất và thời điểm sử dụng đất của gia đình bà và bà Hà Thị T1 “sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh kết hợp để ở từ sau ngày 01/7/2004 đến nay” là không đúng với thực tế sử dụng đất của gia đình bà.

Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND quận BTL về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của gia đình bà, đã xác định thành 03 thời điểm sử dụng đất và áp dụng mức giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không đúng quy định của pháp luật. Xâm phạm đến quyền lợi của gia đình bà và bà Hà Thị T1 khi Nhà nước thu hồi đất tại địa chỉ số 113 đường PVD, tổ dân phố 4 CD, phường XD, quận BTL, HN theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp công khai chứng cứ, bà L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 về việc điều chỉnh Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 về việc thu hồi đất của UBND quận BTL và Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Chủ tịch UBND quận BTL.

Hộ gia đình bà thời điểm thu hồi đất gồm: ông Nguyễn Phúc T2 sinh năm 1960 (chồng), Nguyễn Đàm T3, sinh năm 1991 (con trai), Nguyễn Đàm Thanh L2, sinh năm 1995 (con). Năm 2019 bà làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 970/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 977/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường cùng ngày 05/3/2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 05/3/2021, tại buổi hòa giải UBND quận BTL hứa sẽ thay đổi phương án bồi thường hỗ trợ nên bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Diện tích đất gia đình bà bị thu hồi hiện nay đã đưa vào sử dụng là đường vành đai 3 MD - Cầu TL nên đề nghị Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ.

Ủy ban nhân dân quận BTL trình bày: (bản tự khai của ông Ngô Ngọc VI ngày 02/3/2023):

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: UBND phường XD có giấy xác nhận về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 thể hiện như sau:

Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường XD: Diện tích đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã XD (nay là phường XD) không thể hiện ký hiệu loại đất, sổ mục kê năm 1994 (lập theo bản đồ năm 1994) thể hiện: “Lưu không”.

Hồ sơ, tài liệu và giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp: Biên bản bàn giao đất ngoài khoán khu ven đường cao tốc TL năm 1990 của HTX nông nghiệp TT cho các hộ gia đình (bản photo); đơn xin được giao đất trồng cây cảnh của ông Đặng Đức K2 ngày 26/2/1997 (bản photo); Biên bản giao đất trồng cây cảnh (đất ruộng thuộc phạm vi HTX TT quản lý) ngày 22/4/1997 giữa HTX TT và ông K2

(bản photo); phiếu thu ngày 22/4/1997 của ông K2 (bản photo); phiếu thu ngày 13/4/1998 của ông K2 (bản photo). Giấy biên nhận chia đất giữa ông K2 với ông Nguyễn Văn L4 ngày 15/5/1998 (bản photo không còn gốc), giấy biên nhận không có xác nhận của cơ quan quản lý liên quan; Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất ngày 13/4/2001 giữa gia đình ông K2 và gia đình bà L1 bản viết tay có xác nhận của của HTX TT (bản photo); giấy ủy quyền ngày 12/4/2010 của ông Nguyễn Phúc T2 cho vợ là bà L1 bản viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (bản photo); biên bản thỏa thuận ngày 14/4/2010 giữa gia đình bà L1 và bà T1 bản viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (bản photo); biên bản bàn giao giấy tờ gốc và tiền mặt liên quan tới thỏa thuận mua bán thửa đất số 17 tờ bản đồ số 42 bản viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (bản photo); Kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện Kiểm sát nhân thành phố HN; Thông báo số 246/TB-UBND ngày 31/8/2011 và Kết luận 09/KL-UBND ngày 29/6/2016 của UBND thành phố HN và Kết luận số 386/KL-UBND ngày 27/11/2014 của quận BTL về nội dung tố cáo của công dân.

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi tại Dự án: Theo Phiếu ý kiến khu dân cư lập ngày 17/4/2018 của UBND phường XD về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đối với diện tích lưu không do bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 sử dụng thể hiện như sau: Trong tổng diện tích 225,3 m² đất do bà L1, bà T1 sử dụng có một phần diện tích đất có cùng nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm bắt đầu sử dụng đất, quá trình sử dụng đất và mục đích sử dụng đất tương tự giống như trường hợp sử dụng đất liền kề, quanh khu vực có các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất như ông Đặng Hoa L5 và một phần diện tích đất người sử dụng đất đã tự sử dụng từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014. Cụ thể như sau: 30,0m² đất có cùng nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm bắt đầu sử dụng đất, quá trình sử dụng đất và mục đích sử dụng đất tương tự giống như các trường hợp sử dụng đất liền kề có các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất như ông Đặng Hoa L5 (theo phiếu ý kiến khu dân cư ngày 16/4/2018 của UBND phường XD, ông Đặng Hoa L5 sử dụng 30m² năm 1989); 195,3m² đất người sử dụng đất đã tự sử dụng từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014. Toàn bộ diện tích lưu không, thu hồi đã có Kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện Kiểm sát nhân thành HN, Thông báo số 246/TB-UBND ngày 31/8/2011, Kết luận 09/KL-UBND ngày 29/6/2016 của UBND thành phố HN, Kết luận số 386/KL-UBND ngày 27/11/2014 của UBND quận BTL về nội dung tố cáo của công dân.

Căn cứ giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp và hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường, UBND phường XD đã xác nhận trong tổng diện tích 225,3m² đất thu hồi tại Dự án thể hiện như sau: 225,3m² đất thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã XD (nay là phường XD), có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND xã XD (nay là phường XD) quản lý. Trong đó: 30m² đất có cùng nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm bắt đầu sử dụng đất, quá trình sử dụng đất và mục đích sử dụng đất tương tự giống như các trường hợp sử dụng đất liền kề có các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất như ông Đặng Hoa L5 (theo phiếu ý kiến khu dân cư ngày 17/4/2018

của UBND phường XD); người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ trước ngày 15/10/1993 đến nay; 195,3m² đất thu hồi người sử dụng đất không cung cấp được các giấy tờ chứng minh nguồn gốc; người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 01/7/2004 đến nay.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của UBND phường XD đối với bà Đàm Thị Ngọc L1, bà Hà Thị T1 và căn cứ quy định pháp luật hiện hành, UBND quận BTL đã ban hành quyết định thu hồi 225,3m² đất do bà L1, bà T1 có hộ khẩu thường trú tại phường XD, quận BTL sử dụng để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 trên địa bàn quận BTL tại Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019. Như vậy, UBND phường XD đã xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất và UBND quận BTL đã ban hành quyết định thu hồi đất của bà L1, bà T1 là phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Đất đai 2013, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của UBND phường XD đối với bà Đàm Thị Ngọc L1, căn cứ quy định pháp luật hiện hành và các chính sách đã được UBND thành phố HN chấp thuận. UBND quận BTL đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của bà L1, bà T1 có hộ khẩu thường trú tại phường XD, quận BTL sử dụng để thực hiện Dự án trên địa bàn quận BTL tại Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 05/3/2019; cụ thể: Bồi thường, hỗ trợ về đất: Vị trí thửa đất hiện trạng được xác định là vị trí 1 đường PVĐ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố HN và giá đất cụ thể đã được UBND thành phố HN phê duyệt tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 và theo chính sách của UBND thành phố HN tại Thông báo 304/TB-UBND ngày 28/8/2016. Phương án bồi thường, hỗ trợ đất:

+ 30,0m² x 16.999.000 đồng/m² x 30% = 152.991.000 đồng (vị trí 1 đường PVĐ; đất có nguồn gốc đất nông nghiệp do UBND phường quản lý, người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ trước ngày 15/10/1993 đến nay; hỗ trợ theo chính sách của UBND thành phố HN tại Thông báo 304/TB-UBND ngày 28/8/2016);

+ 195,3m² đất không tính hỗ trợ (vị trí 1 đường PVĐ; đất có nguồn gốc đất nông nghiệp do UBND phường quản lý, người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ ngày 01/7/2004 đến nay; không đủ điều kiện hỗ trợ theo chính sách của UBND thành phố HN tại thông báo 304/TB-UBND ngày 28/8/2016).

Như vậy, UBND quận BTL phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 tại Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 là đúng quy định tại điều 74, 75, 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 5, 6 Quyết

định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố HN và các chính sách đã được UBND thành phố HN chấp thuận.

Hỗ trợ công trình xây dựng trên đất: Ngày 05/10/2018, UBND phường XĐ có Giấy xác nhận số 279/XN-XĐ đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 đối với các công trình xây dựng gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất tại Dự án được gia đình xây dựng và hoàn thành từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014. Do công trình xây dựng của bà L1, bà T1 được tạo lập sau ngày 01/7/2004 (ngày Luật Xây dựng năm 2003 có hiệu lực) và không cung cấp được giấy phép xây dựng nên UBND quận BTL đã phê duyệt phương án hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng công trình.

Như vậy, phương án hỗ trợ công trình xây dựng trên đất đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 đã được UBND quận BTL phê duyệt tại Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 là đúng với quy định tại Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố HN.

Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Theo Giấy xác nhận ngày 28/4/2017 của Công an phường XĐ đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 cho thấy tại địa chỉ thu hồi đất có 01 hộ với 04 nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống nên UBND quận BTL đã phê duyệt các khoản bồi thường, hỗ trợ khác như sau: Bồi thường chi phí di chuyển tài sản trong phạm vi thành phố HN theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố HN; hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố HN.

Như vậy, các khoản bồi thường, hỗ trợ khác đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 đã được UBND quận BTL phê duyệt tại Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 là đúng với quy định pháp luật tại thời điểm phê duyệt.

Ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Sau khi UBND quận BTL ban hành quyết định thu hồi đất; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1, Ban Quản lý (BQLDA) dự án đầu tư xây dựng quận BTL đã phối hợp với UBND phường XĐ, UBMTTQ phường XĐ và Tổ công tác dự án đã thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng bà L1, bà T1 không nhận tiền và không chấp hành bàn giao diện tích đất đã thu hồi cho BQLDA đầu tư xây dựng quận BTL để thực hiện Dự án. Thực hiện quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, UBND phường XĐ, UBMTTQ phường XĐ chủ trì phối hợp với BQLDA đầu tư xây dựng quận BTL tổ chức vận động, thuyết phục, giải thích quy định pháp luật đối với bà L1, bà T1 nhưng các bà không chấp hành bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án.

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và đề nghị của BQLDA đầu tư xây dựng quận BTL, ngày 05/4/2019, Chủ tịch UBND quận BTL đã ban hành Quyết định số 1653/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và

bà Hà Thị T1 do không chấp hành Quyết định số 970/QĐ-UBND và Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND quận BTL về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án. Như vậy, Chủ tịch UBND quận BTL đã ban hành Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà L1, bà T1 là phù hợp với quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố HN.

Giải quyết đơn thư: UBND quận BTL nhận được đơn của bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 (ủy quyền cho ông Phạm Văn K1) tại địa chỉ giải phóng mặt bằng: Tổ dân phố CD4, phường XD, quận BTL về việc khiếu nại Quyết định số 970/QĐ-UBND và Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND quận BTL về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà L1, bà T1 để thực hiện Dự án. Ngày 12/7/2019, Chủ tịch UBND quận BTL ban hành Quyết định số 3755/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà L1, bà T1 (ủy quyền cho ông K1) với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND quận BTL đối với bà L1, bà T1; điều chỉnh Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND quận BTL đối với bà L1, bà T1 để thực hiện Dự án theo hướng tính hỗ trợ bổ sung đối với diện tích 195,3m² đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp theo đơn giá đất nông nghiệp do UBND thành phố quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014.

Không đồng ý nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 12/7/2019, bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 tiếp tục có đơn khiếu nại lần hai gửi Chủ tịch UBND thành phố HN.

Tại Quyết định số 6850/QĐ-UBND ngày 29/11/2019, Chủ tịch UBND thành phố HN đã giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 với nội dung: Giao UBND quận BTL chỉ đạo UBND phường XD kiểm tra, xác minh lại nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà L1, bà T1 làm cơ sở xem xét, phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ngày 24/02/2020 và ngày 23/3/2021, UBND phường XD có xác nhận điều chỉnh, bổ sung về việc sử dụng đất đối với bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 với nội dung diện tích 225,3m² đất thu hồi tại Dự án thể hiện trên biên bản bàn giao đất trồng cây cảnh (đất thuộc phạm vi HTX TT quản lý). Ngày 22/4/1997, người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 và sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh kết hợp để ở từ sau ngày 01/7/2004 đến nay (vị trí thu hồi đất đã có Kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố HN, Thông báo số 246/TB-UBND ngày 31/8/2011 và Kết luận số 09/KL-UBND ngày 29/6/2016 của UBND thành phố HN và Kết luận số 386/KL-UBND ngày 27/11/2014 của quận BTL về nội dung tố cáo của công dân).

Ngày 20/5/2022, UBND quận BTL ban hành Quyết định số 1421/QĐ-UBND và Quyết định số 1429/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND quận BTL và phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án. Bà L1 không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố HN tại Quyết định số 6850/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 và các quyết định hành chính do UBND quận BTL, Chủ tịch UBND quận BTL ban hành đối với bà và bà có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên.

Ủy ban nhân dân quận BTL và Chủ tịch UBND quận BTL giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với bà Đàm Thị Ngọc L1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Hà Thị T1 thống nhất với ý kiến và quan điểm khởi kiện của bà Đàm Thị Ngọc L1, không có ý kiến khác.

Ủy ban nhân dân phường XD không có bản khai.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2025/HC-ST ngày 17/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố HN đã quyết định: Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Phí và Lệ phí và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Ngọc L1 yêu cầu hủy: Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND quận BTL về việc điều chỉnh Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 về việc thu hồi đất; Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND quận BTL về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư, mở rộng đường vành đai III, đoạn MD - Cầu TTL tại phường XD, quận BTL.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/02/2025, người khởi kiện là bà Đàm Thị Ngọc L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai của UBND quận BTL, liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình bà; Tòa án cấp sơ thẩm xác định và giải quyết vụ án theo hướng tranh chấp đất đai với UBND phường XD là không đúng yêu cầu khởi kiện của bà. Bà L1 được cấp sổ nhà, được sử dụng điện ba pha nên UBND phường đã thừa nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà. Bà L1, bà T1 có chung thửa đất, trước khi phá dỡ các bà có lập vi bằng.

Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, diện tích 225,3m² tại phường XĐ, quận BTL (cũ) do bà L1, bà T1 đang sử dụng ổn định, không phải đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, không phải do hành vi lấn, chiếm đất; đất có nguồn gốc do bà L1 nhận chuyển nhượng đất, tài sản gắn liền với đất trước ngày 01/7/2004 và đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Các quyết định hành chính có liên quan đến công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng của UBND quận BTL đều ghi căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trang 6 bản án sơ thẩm có nội dung: “N như vậy, UBND phường XĐ đã xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất và UBND quận BTL đã ban hành quyết định thu hồi đất hiện tại bà L1 và bà T1 là phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ” là không chính xác do UBND cấp xã chỉ có quyền xác nhận tranh chấp. Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ có quy định về xác định loại đất; tuy nhiên, UBND quận BTL đã căn cứ xác nhận của UBND phường XĐ là vi phạm quy định về thẩm quyền xác định loại đất và UBND quận BTL ban hành Quyết định số 1421 với nội dung: “Bà Đàm Thị Ngọc L1 sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh kết hợp để ở từ sau ngày 01/7/2004 đến nay” là không chính xác.

Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42 do bà L1 đang sử dụng phường XĐ, quận BTL (cũ) có cùng vị trí, cùng loại đất với rất nhiều thửa đất đã được UBND huyện TL cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 23/2005/QĐ-UBND ngày 18/02/2005 của UBND TP HN, quy định về việc cấp GCNQSDĐ ở trên địa bàn thành phố HN. Khoản 6 Điều 5 của Quyết định số 23/2005/QĐ-UBND quy định như sau: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định không có các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, nay được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt, công bố thì được cấp GCNQSDĐ và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 12 quy định này”. Tuy nhiên, thời điểm đó, bà L1 đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, không có tiền để nộp tiền sử dụng đất nên chưa làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ như các hộ gia đình đang sử dụng đất liền kề. Thửa đất bà L1 đang sử dụng do nhận chuyển nhượng của ông Đặng Đức K2 ngày 13/4/2001; không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, cũng không phải do lấn, chiếm đất; bà L1 sử dụng đất có nhà xưởng, công trình khác vào mục đích kinh doanh kết hợp để ở ổn định từ trước ngày 01/7/2004 đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất ngày 05/3/2019 (Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất).

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì toàn bộ diện tích 225,3m² thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ 42, tại phường XĐ, quận BTL do bà L1, bà T1 đang sử dụng đất có nhà xưởng, công trình xây dựng khác; sử dụng đất ổn định trong khoảng thời

gian từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 thì được công nhận là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất thương mại, dịch vụ (theo khoản 4 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ). Theo quy định của pháp luật về đất đai, thửa đất của bà L1, bà T1 đang sử dụng đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ và được bồi thường về đất theo giá đất ở khi Nhà nước thu hồi đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ lời khai của người bị kiện khi cho rằng diện tích đất thu hồi của bà L1, bà T1 đã có Kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện kiểm sát nhân dân TP HN nên không được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là không chính xác. Theo quy định của pháp luật, bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực thi hành buộc cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất. Kháng nghị số 603 không có hiệu lực pháp luật. Bà L1, bà T1 là những người đang sử dụng đất thông qua hợp đồng chuyển nhượng, không phải đối tượng sử dụng đất thuê, cũng không phải là người lấn, chiếm đất nên không thuộc đối tượng điều chỉnh của UBND phường XD, quận BTL. UBND quận BTL cho rằng diện tích 225,3m² đất của bà L1, bà T1 đang sử dụng bị thu hồi thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, địa chỉ số 113 đường PVD do UBND phường XD quản lý là không chính xác. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu người bị kiện cung cấp tài liệu chứng minh việc UBND phường XD đối với công tác thống kê, kiểm kê quản lý diện tích đất do bà L1 và bà T1 đang sử dụng theo quy định tại Điều 34 của Luật Đất đai. Nếu cho rằng thửa đất trên của bà L1, bà T1 đang sử dụng do UBND phường XD quản lý, thì quản lý diện tích đất này theo hình thức nào trong thời gian hơn 20 năm qua mà không có biện pháp ngăn chặn đối với hành vi lấn, chiếm đất của bà L1.

Kiến nghị UBND quận BTL sửa đổi, bổ sung Quyết định hành chính số 1421/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 theo hướng: “Thu hồi 225,3m² đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42 tại phường BTL, Hà Nội do bà L1, bà T1 đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ kết hợp để ở từ trước ngày 01/7/2004 đến nay”. Tuyên huỷ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND quận BTL (cũ). Căn cứ quy định tại Điều 74; khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019, Quyết định số 3898/QĐ-UBND của UBNDTP HN; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43; khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để yêu cầu Hội đồng giải phóng mặt bằng Dự án mở rộng, nâng cấp đường Vành đai III, đoạn MD - Cầu TL thuộc UBND quận BTL phải bồi thường về đất theo giá đất ở, vị trí 1 đường PVD theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBNDTP HN đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi của bà L1, bà T1 đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, diện tích 225,3m² tại số 113, đường PVD, phường BTL, HN. Bà L1, bà T1 là những người sử dụng đất bị thu hồi nhưng chưa được nhận tiền bồi thường là lỗi thuộc về Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng quận BTL (khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013). Theo Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND quận

BTL thì thời điểm bồi thường tính từ ngày 05/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/12/2024); số ngày chậm chi trả tiền bồi thường thu hồi đất từ ngày là 68 tháng 13 ngày (2.053 ngày). Ngoài số tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất theo phương án đã được phê duyệt, Hội đồng bồi thường GPMB phường BTL còn phải trả cho bà L1, bà T1 khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của điểm a khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền chậm nộp. Việc Nhà nước bồi thường cho bà L1 nhưng khi bồi thường không ghi rõ loại đất là vi phạm. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đúng yêu cầu khởi kiện. Việc chuyển nhượng của bà L1 là 3 gian kiot và 1 gian nhà kho phải được công nhận do việc sử dụng từ trước ngày 01/7/2014. Đất nông nghiệp đã giao cho ông K2. Thửa đất số 17 của bà L1 cùng rất nhiều thửa đất. Đề nghị UBND giải quyết kiến nghị theo hướng thu hồi 225,3m² do bà L1, T1 sử dụng ghi rõ loại đất. Do đó, cần phải hủy quyết định bồi thường và căn cứ Điều 74, 75 Luật Đất đai ghi rõ bồi thường bằng tiền đối với từng loại đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L1.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Kháng cáo của bà Đàm Thị Ngọc L1 trong thời hạn quy định tại Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính nên đủ điều kiện chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án đúng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Đàm Thị Ngọc L1 giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

I. Tố tụng:

[1] Người khởi kiện là bà Đàm Thị Ngọc L1 làm đơn kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Ngày 07/6/2022, bà Đàm Thị Ngọc L1 khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 về việc điều chỉnh Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 về việc thu hồi đất của UBND quận BTL và

Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư, mở rộng đường vành đai III, đoạn MD-Cầu TL tại phường XD, quận BTL của UBND quận BTL. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Khi xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện, cần xét các Quyết định số 970/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 977/QĐ-UBND cùng ngày 05/3/2019 của UBND quận BTL về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND quận BTL về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định 3755/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND quận BTL về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định 6850/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố HN về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là các quyết định hành chính có liên quan theo quy định tại Điều 6 Luật Tố tụng hành chính.

II. Nội dung:

Xét kháng cáo của bà Đàm Thị Ngọc L1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5] Ngày 20/5/2005, UBND thành phố HN ban hành Quyết định số 76/2005/QĐ-UB về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ đường PVĐ (Vành đai 3 đoạn nút MD đến nút Nam cầu TL) tỷ lệ 1/500. Ngày 14/01/2010, Bộ Trưởng bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 103/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn Mai Dịch-Nội Bài), thành phố HN. Ngày 15/6/2016, UBND thành phố HN ban hành Quyết định số 3099/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 đoạn Mai Dịch-Nội Bài.

[6] Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy HN tại Thông báo số 124-TB/TU ngày 04/5/2016 và của UBND thành phố HN tại Văn bản số 2689/UBND-ĐT ngày 12/5/2016 về việc triển khai dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn MD-Cầu TL) trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật về đất đai, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, UBND quận BTL đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thành lập tổ công tác dự án, đồng thời giao và chỉ đạo BQLDA đầu tư xây dựng quận BTL phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện dự án.

[7] Theo lời trình bày của các bên và tài liệu có trong hồ sơ, xác định: Năm 1990, HTX TT giao diện tích ruộng ngoài khoán (đất lưu không ven đường cao tốc cầu TL) cho các hộ dân (có danh sách) để sử dụng vào việc cấy trồng và nộp sản lượng ngoài khoán hàng năm cho HTX. Điều 3 của biên bản bàn giao ghi rõ: “Hộ xã viên nhận diện tích ngoài khoán này với Ban quản lý HTX cùng cam kết thực hiện: Không nhượng bán cho thuê bất kỳ người nào khác ngoài chủ hộ xã viên có đất phía trong; khi tập thể HTX-UBND xã hoặc Nhà nước sử dụng đến

phải hoàn trả lại ngay sau khi được thông báo trước; tuyệt đối không được làm lều quán và trồng cây lâu năm trên đất ngoài khoán này” và tại Điều 5 quy định: “Các điều quy định trên trong văn bản hộ xã viên phải chấp hành nghiêm chỉnh. Cố ý vi phạm Ban quản lý HTX sẽ thu hồi phần đất này. Cố tình làm lều quán hoặc nhà cửa trái phép sẽ bị dỡ bỏ”.

[8] Ngày 26/02/1997, ông Đặng Đức K2 có đơn xin được giao đất trồng cây cảnh trên một phần diện tích ngoài khoán nói trên. Trong đơn, ông K2 cũng cam kết “chấp hành mọi quy định của xã đề ra, không làm gì sai mục đích, khi Nhà nước sử dụng đến khu đất ấy tôi xin trả lại mặt bằng như đã cam kết”. Ngày 14/4/1997, Chủ tịch xã đã có ý kiến đề nghị HTX TT giao đất cho ông K2 “để anh K2 sử dụng vào mục đích trồng cây cảnh ngăn ngày hàng năm. Không được xây dựng trái phép”. Ngày 13/4/2001, gia đình ông K2 chuyển nhượng diện tích đất được giao cho gia đình bà L1. Tại giấy chuyển nhượng có ghi cụ thể diện tích chuyển nhượng là 03 gian kiot mặt đường PVD với diện tích 105m² cùng 01 gian nhà kho với diện tích 120m². Ngày 10/10/2007, ông Nguyễn Ngọc K3, Chủ nhiệm HTX TT có xác nhận vào Giấy chuyển nhượng trên (tại giai đoạn giải quyết khiếu nại lần 2 tại UBND thành phố gia đình bà L1 cung cấp bản gốc của Giấy chuyển nhượng này). Ngày 15/4/2010, gia đình bà L1 chuyển nhượng 50% diện tích đất cho bà Hà Thị T1. Ngày 06/5/2014, bà T1 có hợp đồng cho thuê nhà làm văn phòng với người khác. Giấy tờ chuyển nhượng từ bà L1 sang bà T1 là giấy tờ viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương.

[9] Diện tích đất thu hồi của bà Đàm Thị Ngọc L1 và bà Hà Thị T1 thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã XD (nay là phường XD) không thể hiện ký hiệu loại đất, sổ mục kê năm 1994 (lập theo bản đồ năm 1994) thể hiện: “Lưu không”. Diện tích đất “lưu không” này bị thu hồi đã có Kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Thông báo số 246/TB-UBND ngày 31/8/2011, Kết luận số 09/KL-UBND ngày 29/6/2016 của UBND thành phố HN và Kết luận số 386/KL-UBND ngày 27/11/2014 của quận BTL về nội dung tố cáo của công dân.

[10] Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND phường, tài liệu do người sử dụng đất cung cấp và phiếu ý kiến khu dân cư ngày 17/4/2018 do UBND phường XD lập, UBND phường XD đã xác nhận tổng diện tích 225,3m² đất thu hồi của bà L1, bà T1 tại Dự án thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42, bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã XD (nay là phường XD), có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND xã XD (nay là phường XD) quản lý. Trong đó: 30,0m² đất có cùng nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm bắt đầu sử dụng đất, quá trình sử dụng đất và mục đích sử dụng đất tương tự giống như các trường hợp sử dụng đất liền kề có các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất như: Ông Đặng Hoa L5 (phiếu ý kiến khu dân cư ngày 16/4/2018 của UBND phường XD, ông L5 sử dụng 30m² năm 1989) và một phần diện tích đất người sử dụng đất đã tự sử dụng từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ trước ngày 15/10/1993 đến

nay; 195,3m² đất thu hồi, người sử dụng đất không cung cấp được các giấy tờ chứng minh nguồn gốc; người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 01/7/2004 đến nay.

[11] Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình bà L1, bà T1 của UBND phường XĐ; ngày 05/3/2019, UBND quận BTL ban hành Quyết định số 970/QĐ-UBND, Quyết định số 977/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất trên và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với bà L1, bà T1. Do bà L1, bà T1 có khiếu nại; Chủ tịch UBND quận BTL ban hành Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 và Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 6850/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 giải quyết khiếu nại của bà L1, bà T1. Do đó, có căn cứ xác định trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 970/QĐ-UBND, Quyết định số 977/QĐ-UBND; Quyết định số 3755/QĐ-UBND và Quyết định số 6850/QĐ-UBND đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[12] Ngày 24/02/2020 và 23/3/2021, UBND phường XĐ ban hành 02 giấy xác nhận bổ sung. Căn cứ trên các giấy xác nhận này, UBND quận BTL đã ban hành Quyết định số 1421/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 970/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định Luật Đất đai 2013, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố HN. Do đó, việc bà L1 cho rằng căn cứ điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ toàn bộ diện tích 225,3m² đất gia đình bà L1, bà T1 sử dụng đất từ năm 2001 đến nay, đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ; đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 là không được chấp nhận.

[13] Tại Thông báo số 304/TB-UBND ngày 22/8/2016, của UBND thành phố HN quy định: “Đối với trường hợp sử dụng đất lưu không đường PVĐ; đất do UBND phường quản lý, đất do HTX quản lý (đều có nguồn gốc là đất nông nghiệp) các hộ dân đã xây dựng nhà để ở hoặc kinh doanh ổn định: Trường hợp chuyển đổi trước ngày 15/10/1993, căn cứ mục đích sử dụng đất tại thời điểm thu hồi để xem xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất phi nông nghiệp cùng vị trí theo giá quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố HN đối với diện tích đất thực tế có xây dựng nhà cửa, công trình để ở hoặc kinh doanh bị thu hồi nhưng tối đa không quá 60m²/chủ sử dụng đất. Trường hợp chuyển đổi sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Căn cứ mục đích sử dụng đất tại thời điểm thu hồi để xem xét hỗ trợ bằng 20% đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất phi nông nghiệp cùng vị trí theo giá quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố đối với diện tích đất thực tế có xây dựng nhà cửa, công trình để ở hoặc kinh doanh bị thu hồi nhưng tối đa không quá 60m²/chủ sử dụng đất”. Căn cứ vào giấy xác nhận điều chỉnh ngày 23/3/2021 và ngày 24/2/2020 của UBND phường XĐ, UBND quận BTL ban hành Quyết định số 1429/QĐ-

UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà L1, bà T1 với các khoản mục sau: Bồi thường, hỗ trợ về đất: Hộ gia đình bà L1, bà T1 được áp dụng tính 60m² hỗ trợ bằng 20% đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất phi nông nghiệp cùng vị trí theo giá quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND. Diện tích còn lại là 165,3m² được áp dụng với giá đất nông nghiệp tại địa phương. Cụ thể:

Diện tích, người sử dụng đất đã sử dụng ổn định từ sau ngày 15/10/1993: 60m² x 16.999.000 đồng/m² x 20% = 203.988.000 đồng; diện tích, người sử dụng đất đã sử dụng từ sau ngày 01/7/2004 đến nay: 165,3m² x 252.000 đồng/m² x 100% = 41.655.600 đồng; bồi thường, hỗ trợ về công trình tài sản gắn liền với đất thu hồi: 63.183.732 đồng; các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: 10.472.000 đồng. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 319.299.332 đồng (tăng 92.652.600 đồng so với Quyết định số 977/QĐ-UBND). Bà L1 chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và cho rằng Hội đồng giải phóng mặt bằng phải trả thêm khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định luật quản lý thuế = 0,03%/ngày số tiền nộp chậm, từ thời điểm ngày 05/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy nội dung này không thuộc yêu cầu khởi kiện của bà L1, đồng thời ở thời điểm thu hồi đất phục vụ dự án, bà L1 và bà T1 không chấp hành quyết định thu hồi đất để tạo điều kiện cho dự án triển khai phục vụ dân sinh, UBND quận BTL đã phải ra quyết định cưỡng chế là phù hợp với khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013. Do đó việc không nhận bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng là lỗi và trách nhiệm của bà L1, bà T1 nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[14] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đàm Thị Ngọc L1; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[15] Án phí hành chính phúc: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đàm Thị Ngọc L1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do bà L1 là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đàm Thị Ngọc L1 được miễn án phí.

[16] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của bà Đàm Thị Ngọc L1, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2025/HC-ST ngày 17/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố

HN.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đàm Thị Ngọc L1.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện CT và KSXXPT tại Hà Nội;
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (qua địa chỉ);
- Lưu HSVA, P.HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Thành